

BÁO CÁO

Kết quả giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện

Thực hiện các Nghị quyết kỳ họp thứ 5, HĐND huyện và theo Nghị quyết hoạt động giám sát của HĐND huyện năm 2018; Kế hoạch số 04/KH-BDT ngày 16/03/2018 của Ban Dân tộc về giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện từ năm 2016 đến nay. Ban Dân tộc HĐND huyện báo cáo như sau:

I. Công tác tổ chức giám sát.

Ban Dân tộc HĐND huyện xây dựng, ban hành kế hoạch số 04/KH-BDT ngày 16/03/2018 về giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện; khi giám sát tại các phòng ban, đơn vị huyện và UBND các xã có các đồng chí lãnh đạo và cán bộ công chức liên quan được mời cùng tham gia với Đoàn giám sát. Đoàn đã trực tiếp giám sát tại phòng Dân tộc huyện, Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn và các xã Chư Don, Ia Dreng, Ia Phang. Nội dung giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định 551/QĐ-CP ngày 04/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách pháp luật về Bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện từ năm 2016 đến nay.

Các đơn vị được giám sát đã có chuẩn bị, xây dựng báo cáo, mời thành phần dự họp, bố trí địa điểm và các điều kiện làm việc theo yêu cầu của Đoàn nên việc giám sát đã được tiến hành thuận lợi, đúng yêu cầu kế hoạch đề ra.

II. Kết quả giám sát

1. Công tác chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện

Nhìn chung các phòng, ban, đơn vị huyện và UBND các xã đã tích cực triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng quy định, công tác thông tin tuyên truyền về các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số được chú trọng; các phòng, ban, đơn vị huyện và UBND các xã đã chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số ngay từ đầu năm, đảm bảo để người dân được thụ hưởng chính sách; Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị và UBND các xã được triển khai chặt chẽ, đồng bộ.

2. Công tác tuyên truyền

Thời gian qua, từ huyện đến cơ sở tích cực tuyên truyền phổ biến các văn bản quy định, hướng dẫn của cấp trên về các chính sách đầu tư, hỗ trợ theo Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ; Chính sách pháp luật về Bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã đặc biệt khó khăn, thôn làng đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện.

Sau khi tiếp nhận các văn bản cấp trên, các ngành, các phòng ban, đơn vị tham mưu cho UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các triển khai, tổ chức thực hiện.

3. Kết quả thực hiện

3.1 Tình hình triển khai, tổ chức hiện thực hiện Quyết định 551/QĐ-CP ngày 04/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ

Qua giám sát trực tiếp tại phòng Dân tộc huyện và theo báo cáo số: 173/BC-PDT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của phòng Dân tộc huyện.

a. Về Dự án phát triển sản xuất:

Tổng vốn kế hoạch giao 4.616,315 triệu đồng (3 năm 2016, 2017, 2018). Tổng vốn 4.625.099.060 đồng đã triển khai, Vốn đã phân bổ là 4.616,315 triệu đồng, vốn đối ứng 8.784,060 triệu đồng, cụ thể:

Năm 2016: Phối hợp với Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển miền núi Gia Lai cấp hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, phân bón cho 1.234 hộ được thụ hưởng từ Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Kết thúc năm đã giải ngân với tổng kinh phí là 1.370,265 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao (bao gồm 50 con bò cái sinh sản cho 50 hộ; giống ngô lai CP888: 2.237,76 kg cho 376 hộ; giống ngô lai CP333: 329,24 kg cho 67 hộ; Phân NPK 16.16.8.13s: 17.638,09 kg cho 595 hộ; lúa thuần Nguyên chủng HT1: 3.125,57 kg cho 146 hộ).

Năm 2017: Kết thúc năm kế hoạch đã thực hiện giải ngân là 1.374,02 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao. Theo đó có cấp hỗ trợ 1.007,97 kg giống ngô lai CP888; 2.849,84 kg giống lúa thuần nguyên chủng ĐV108; 29.941,03 kg phân NPK; 3.383,74 kg phân lân hạt và 46 con bò cái sinh sản cho 1.232 hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Năm 2018: Kết thúc năm kế hoạch đã thực hiện giải ngân là 1.880.787.060 đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao. Theo đó nhu cầu cấp hỗ trợ gồm: 15.666,05 kg giống lúa HT1, 15 con Bò và 83.248,35 kg phân NPK 16.16.8.13s.

b. Về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng: Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương là 19.438 triệu đồng. Tại thời điểm giám sát thực hiện đầu tư là 18.088 triệu đồng, duy tu bảo dưỡng 1.044 triệu đồng. Cụ thể:

Năm 2016: Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương là 5.166 triệu đồng. Tại thời điểm giám sát mới giải ngân là 100% kế hoạch vốn giao. Số công trình thực hiện đầu tư năm 2016 là 13 công trình (trong đó: 10 công trình giao thông và 03 nhà sinh hoạt cộng đồng).

Năm 2017: Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương là 5.796 triệu đồng. Tại thời điểm giám sát mới giải ngân là 5.458 triệu đồng, đạt 99,8% kế hoạch vốn giao. Số công trình thực hiện đầu tư năm 2017 là 17 công trình (trong đó: có 06 công trình đã nghiệm thu, bàn giao đưa vào quản lý sử dụng, còn lại 11 công trình chưa hoàn thành).

Năm 2018: Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương là 8.239 triệu đồng. Tại thời điểm giám sát mới giải ngân là 7.282 triệu đồng, đạt 48,47% kế hoạch vốn giao. Số công trình thực hiện đầu tư năm 2018 gồm 21 công trình (trong đó: 18 công trình giao thông, 02 nhà văn hóa và 01 sân bê tông nhà sinh hoạt cộng đồng).

c. Về duy tu bảo dưỡng bảo dưỡng công trình

Thực hiện giải ngân là 631 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao. Số công trình được duy tu bảo dưỡng là 05 công trình. Qua giám sát cho thấy các công trình sau khi được duy tu bảo dưỡng, đã phát huy tốt công năng sử dụng. Riêng năm 2018, tổng vốn duy tu bảo dưỡng là 411 triệu đồng, mới giải ngân đạt 56,20% kế hoạch vốn giao

Qua giám sát cơ bản các xã đã triển khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo các văn bản hướng dẫn, những quy định của Nhà nước. Tuy nhiên một số công trình giao thông nông giao cho các thôn thi công đến nay đã xuống cấp, chất lượng không đảm bảo.

b. Về Dự án Nâng cao năng lực cộng đồng và cán bộ cơ sở: UBND huyện giao Phòng Dân tộc phối hợp với phòng Tài chính – KH, phòng Nông nghiệp & PTNT huyện xây dựng kế hoạch tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở xã đặc biệt khó khăn; thôn, làng đặc biệt khó khăn. Tổng kinh phí giao là 594 triệu đồng và triển khai đạt 100% kế hoạch. Kết quả cụ thể như sau:

Trong năm 2017 và 2018 đã tổ chức mở 22 lớp (13 lớp năm 2017, 585 học viên và 9 lớp năm 2018, 414 học viên) với 999 học viên là người dân và cán bộ thôn, làng, tổ chức ở 9 xã, thị trấn.

Nội dung tập huấn, đào tạo gồm: Kỹ năng thực hiện gói thầu giao cho cộng đồng thi công theo cơ chế đặc thù; Nâng cao năng lực cho cộng đồng người dân xã/thôn 135 phát triển sản xuất; Thực hiện quy trình giám sát đối với Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020; Công tác vận hành duy tu bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135; Lập kế hoạch có sự tham gia của cộng đồng trong tham gia xây dựng kế hoạch và thực hiện Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 và Xây dựng và vận hành tổ nhóm, tiếp cận thị trường, liên kết sản xuất.

Qua giám sát cho thấy những kiến thức đào tạo, tập huấn là cơ sở để cán bộ và cộng đồng phát huy hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn chấp hành tốt các chủ trương của đảng, pháp luật của nhà nước và thực hiện tốt Chương trình 135.

3.2 Thực hiện chính sách pháp luật về Luật bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số.

a. Về đối tượng tham gia

Theo báo cáo của phòng Dân tộc huyện từ năm 2016 đến tại thời điểm Đoàn giám sát của Ban Dân tộc HĐND huyện số người tham gia BHYT là 224.869 thẻ, trong đó:

- Đối tượng là người kinh sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn là 40.801 thẻ.

- Đối tượng là người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế khó khăn là 184.068 thẻ.

b. Về tình hình cấp trùng thẻ và thẻ sai thông tin cá nhân

Qua giám sát trực tiếp tại phòng Dân tộc huyện và đi thực tế ở một số xã trên địa bàn huyện hiện nay Đoàn giám sát chưa phát hiện về tình trạng cấp trùng thẻ hoặc cấp sai về thông tin cá nhân cho từng đối tượng.

3.3 Triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.

a. Về hỗ trợ khoán bảo vệ rừng:

Trong thời gian qua, việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định 75/2015/NĐ-CP của Chính phủ, được các cấp các ngành quan tâm và đạt được những kết quả nhất định trong công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn huyện.

Tại thời điểm giám sát tổng diện tích tự nhiên thuộc Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn đang quản lý là 14.633,37 ha nằm trên địa bàn xã Ia Ko huyện Chư Sê và xã Ia Hla, Ia Blứ huyện Chư Puh. Trong đó diện tích đất lâm nghiệp là 11.050,36 ha. Ban quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh và huyện, đơn vị đã xây dựng Dự án hỗ trợ đầu tư bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị định 75/2015/NĐ-CP và Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg giai đoạn 2017- 2020 trình cấp thẩm quyền thẩm định phê duyệt, cụ thể:

b. Về đối tượng và hạn mức nhận khoán bảo vệ rừng được hỗ trợ:

Đối tượng nhận khoán bảo vệ rừng: Gồm 74 hộ dân (73 hộ đồng bào dân tộc thiểu số và 01 hộ người kinh) chia thành 10 nhóm hộ nhận khoán bảo vệ rừng của đơn vị chủ rừng.

Hạn mức nhận khoán: Tổng diện tích rừng đơn vị thực hiện giao khoán bảo vệ 2.200ha. Trung bình mỗi hộ dân được nhận khoán bảo vệ 29,73 ha.

c. Trách nhiệm và quyền lợi của nhóm hộ gia đình đối với diện tích rừng được nhận khoán bảo vệ:

Các hộ nhận khoán, bảo vệ đúng phần diện tích rừng theo hợp đồng đã ký kết với đơn vị chủ rừng. Chấp hành tốt các quy định về phòng cháy chữa cháy rừng. Đồng thời thực hiện đúng nội quy, quy trình, quy phạm kỹ thuật về bảo vệ rừng đã được chủ rừng hướng dẫn. Các hộ thường xuyên tuần tra, kiểm tra tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy và lấn chiếm đất rừng. Từ khi các hộ nhận khoán bảo vệ thì hiện trạng diện tích rừng nhận khoán luôn được ổn định và phát triển tốt, người được thụ hưởng sản phẩm rừng.

Qua giám sát Đoàn nhận thấy đơn vị chủ rừng tích cực triển khai thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP. Hàng năm đơn vị chủ rừng đã được thanh toán tiền đầy đủ, kịp thời cho các hộ nhận khoán bảo vệ rừng là 400.000đ/ha/năm (trong đó nguồn thu từ DVMTR là 300.000/ha/năm và ngân sách nhà nước bổ sung để thực hiện theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP là 100.000/ha/năm). Ngoài những chính sách được thụ hưởng từ nhận khoán bảo vệ rừng bằng tiền, các hộ còn được hưởng lợi các sản phẩm từ rừng theo quy định hiện hành của pháp luật. Các hộ tham gia được trang bị kiến thức và được hướng dẫn, tham gia lớp tập huấn về công tác BVR do đơn vị chủ rừng tổ chức.

Tại xã Ia Phang có hai thôn được nhận khoán bảo vệ rừng theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP, với 64 hộ gồm thôn Chảo Pong và thôn Chroh Bô 1 với tổng diện tích nhận khoán bảo vệ rừng là 500 ha, mức hỗ trợ nhận khoán bảo vệ rừng 400.000đ/ha/năm. Năm 2017, 2018 các hộ được khoanh nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung tổng diện tích là 66,1 ha; kinh phí hỗ trợ trồng rừng là 91.600.000 đồng (mức hỗ trợ mua cây giống 2 triệu đồng/ha/năm và hỗ trợ tiền công lao động 1 triệu đồng/ha/năm).

Chính sách khoán bảo và phát triển rừng khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế vào bảo vệ, phát triển rừng, trong đó nhà nước hỗ trợ nguồn lực cho việc bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng, phục hồi rừng và trồng rừng. Chính sách nhận khoán bảo vệ rừng đã góp phần cải thiện sinh kế và tạo nguồn thu nhập cho các hộ, nhóm hộ, cá nhân và cộng đồng dân cư nhất là các hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

Qua giám sát cho thấy các hộ nhận khoán bảo vệ rừng đã được hỗ trợ thanh toán tiền đầy đủ, kịp thời. Ngoài ra các hộ còn được hưởng lợi khác từ sản phẩm rừng, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống kinh tế gia đình. Tuy nhiên, đến thời điểm giám sát các hộ đã được nhận khoán bảo vệ rừng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền (*theo Điểm b, Khoản 3, Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 93/2016/TTLT-BTC-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của liên Bộ về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Nghị định 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020*).

4. Đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

*** Kết quả đạt được**

Nhìn chung trong những năm qua, được sự quan tâm của Thường trực Huyện ủy, thường xuyên kiểm tra, giám sát của HĐND, sự chỉ đạo sát sao của UBND huyện; sự phối hợp giữa các phòng ban huyện với UBND các xã, thị trấn nên việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện được kịp thời, đạt hiệu quả; cấp ủy, chính quyền địa phương đã có nhiều cố gắng trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ; tinh thần, trách nhiệm của cán bộ phụ trách từng lĩnh vực có nhiều chuyển biến tích cực nên thời gian qua việc đầu tư, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất đối với Chương trình 135, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 và chính sách pháp luật về Luật bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số đến với người dân được kịp thời; bộ mặt nông thôn được khởi sắc, đời sống an sinh của người dân được quan tâm.

*** Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại, hạn chế**

Qua giám sát, Ban Dân tộc HĐND huyện nhận thấy như sau:

- Công tác tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách đến cho người dân còn nhiều hạn chế; công tác kiểm tra, chỉ đạo của các xã, thị trấn chưa được thường xuyên.

- Hiện nay, một số xã làm chủ đầu tư về tiểu Dự án hỗ trợ cơ sở hạ tầng khi triển khai, tổ chức thực hiện còn nhiều hạn chế.

- Công tác triển khai, tổ chức thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ còn chậm.

- Việc triển khai, tổ chức thực hiện; Chính sách pháp luật về Bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số ở một số xã còn nhiều bất cập.

III. Kiến nghị, đề xuất

Từ kết quả giám sát trên, Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân huyện có một số đề xuất, kiến nghị sau:

1. Đối với UBND huyện

Tăng cường chỉ đạo các ngành chuyên môn, các phòng ban, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá báo cáo kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách đầu tư, hỗ trợ đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đối với phòng Dân tộc huyện

Phòng Dân tộc huyện tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về chính sách đầu tư, hỗ trợ trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

Phối hợp với các ngành, các phòng ban chuyên môn của huyện hướng dẫn xác định loài cây trồng, vật nuôi cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương để làm căn cứ hỗ trợ, đầu tư.

3. Đối với Ban Quản lý rừng phòng hộ Nam Phú Nhơn

Cần tăng cường phối hợp với các xã có rừng để tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các phương án thiết kế trồng rừng cho người dân.

4. Đối với UBND các xã, thị trấn

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến từng đối tượng được thụ hưởng; đặc biệt là các Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Chính sách pháp luật về Bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện. Đề người dân hiểu và có trách nhiệm tham gia.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát về tình hình triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ và Chính sách pháp luật về Bảo hiểm y tế trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện từ năm 2016 đến nay. Ban Dân tộc HĐND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện để tổng hợp và trình tại kỳ họp lần thứ bảy của HĐND huyện./.

Nơi nhận:

- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Các thành viên BDT;
- Lãnh đạo VP HĐND, UBND huyện;
- 02 Ban HĐND huyện;
- Các đơn vị được giám sát;
- Lưu BDT.

TM. BAN DÂN TỘC HĐND HUYỆN
TRƯỞNG BAN



Siu H' Phiết

